

ÁP DỤNG CÁC HOẠT ĐỘNG KIẾN TẠO ÁP PHÍCH ĐỂ TĂNG CƯỜNG KỸ NĂNG NÓI TIẾNG ANH CHO SINH VIÊN CHUYÊN NGỮ

Châu Văn Đôn, Hoàng Liên Hương *

Tóm tắt

Mục tiêu của nghiên cứu này là kiểm chứng tác động của quá trình áp dụng các hoạt động kiến tạo áp phích như một công cụ đa trí tuệ trong việc tăng cường hứng thú học tập và phát triển kỹ năng nói tiếng Anh cho sinh viên năm 2 Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Phú Yên (ĐHPY).

Thông qua các hoạt động này, sinh viên có nhiều cơ hội tham gia, thể hiện và phát triển kỹ năng nói tiếng Anh của mình, (Robert, 2015). Các công cụ nghiên cứu bao gồm: Chương trình đào tạo áp dụng các hoạt động kiến tạo áp phích, một bảng khảo sát năng lực đa trí tuệ của sinh viên, và 3 bài kiểm tra kỹ năng nói tiếng Anh để kiểm chứng tác động tích cực của nghiên cứu đối với các nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm trước, trong và sau chương trình luyện nói. Thời gian thực hiện nghiên cứu là 15 tuần.

Từ khóa: đa trí tuệ, các hoạt động kiến tạo áp phích, hứng thú học tập, kỹ năng nói

1. Giới thiệu

1.1. Đặt vấn đề

Tiếng Anh ngày càng phát huy vai trò như một ngôn ngữ giao tiếp quốc tế. Chức năng chính của các hoạt động sử dụng ngôn ngữ hàng ngày là đạt được các mục tiêu giao tiếp. Tuy nhiên, đối với đa số người học tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai, kỹ năng giao tiếp bằng lời nói khi học tiếng Anh được xem là kỹ năng khó phát triển nhất (Salem, 2013).

Các phương pháp đào tạo và phát triển kỹ năng nói tiếng Anh cho sinh viên trước đây dường như chỉ chú ý nhiều đến các kỹ năng ngôn ngữ và lý luận. Gardner (1983) cho rằng việc sử dụng các phương pháp truyền thống để kiểm tra chỉ số thông minh của con người (tiêu biểu như chỉ số IQ) là không công bằng đối với những học sinh không phát triển tốt hai kỹ năng tư duy lô gic và sử dụng ngôn ngữ.

Theo Thuyết đa trí tuệ, có ít nhất 8 kiểu trí tuệ khác nhau để học sinh thể hiện và

phát triển các kiểu năng lực sở trường của mình. Đây là một khái niệm tương đối mới về định nghĩa trí tuệ, và triết lý của Thuyết đa trí tuệ được Jensen (1998) nhận xét: “Tất cả mọi học sinh đều thông minh; tuy nhiên, đối với một số học sinh, cánh cửa trí tuệ phía sau các em vẫn bị đóng kín.”

Thông qua nghiên cứu này, tính hiệu quả của việc kết hợp các hoạt động kiến tạo áp phích vào chương trình đào tạo và phát triển kỹ năng nói tiếng Anh sẽ được kiểm chứng. Do đó, đóng góp chính của nghiên cứu này là nhằm thúc đẩy sự phát triển các kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên chuyên ngành sư phạm tiếng Anh thông qua các hoạt động kiến tạo áp phích, được thiết kế và vận dụng theo nguyên lý tích hợp đa trí tuệ trong chương trình đào tạo và phát triển các kỹ năng nói tiếng Anh.

1.2. Tầm quan trọng của nghiên cứu

Nghiên cứu này áp dụng Thuyết Đa trí tuệ của Gardner, tích hợp các hoạt động kiến tạo áp phích như một công cụ đa trí tuệ, với hy vọng mang lại nhiều lợi ích cho các giáo viên ngoại ngữ và các nhà nghiên

* ThS, Trường Đại học Phú Yên

cứu.

Các hoạt động phát triển kỹ năng nói tiếng Anh và những chiến lược nâng cao kỹ năng giao tiếp bằng lời nói của sinh viên chuyên ngữ luôn là những ưu tiên hàng đầu trong nghiên cứu của chúng tôi, vì kỹ năng nói tiếng Anh luôn đóng vai trò quan trọng và làm nền tảng cho việc phát triển các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh khác như nghe, đọc và viết. Ngoài ra, chúng tôi hy vọng các kết quả của nghiên cứu này sẽ có những đóng góp tích cực vào xu thế đổi mới toàn diện và cơ bản của nền giáo dục và đào tạo, phù hợp với đường hướng giao tiếp và quan điểm lấy người học làm trung tâm.

1.3. Tổng quan nghiên cứu

Năm 1996, Christison đã mô tả trong một lớp học tiếng Anh thuộc phạm vi nghiên cứu của tác giả rằng hồ sơ trí tuệ của sinh viên rất đa dạng, các kiểu trí tuệ khác nhau của từng sinh viên kết hợp với nhau theo nhiều mô hình phức tạp; do trí tuệ không tồn tại dưới hình thức đơn lẻ và độc lập nên các hoạt động học ngoại ngữ chỉ có thể thành công khi các hoạt động kết hợp nhiều kiểu trí tuệ khác nhau được khai thác và thực hiện hiệu quả.

Tác giả Salem (2013) đã thực hiện một nghiên cứu khoa học áp dụng các hoạt động đa trí tuệ để khẳng định các ảnh hưởng tích cực của chương trình giảng dạy tích hợp các hoạt động đa trí tuệ nhằm phát triển kỹ năng nói cho một nhóm sinh viên đại học sư phạm sắp tốt nghiệp. Các kết quả nghiên cứu của ông đã chứng minh và khẳng định hiệu quả tích cực của chương trình giảng dạy tích hợp các hoạt động đa trí tuệ để phát triển các kỹ năng nói tiếng Anh cho các đối tượng sinh viên nói trên.

1.3.1. Phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng tham gia nghiên cứu: 60 sinh viên chuyên ngành tiếng Anh năm 2, thuộc hệ đào tạo chính quy (Khóa học

2014-1018), Khoa Ngoại ngữ, trường ĐHPY. Các sinh viên nêu trên được chọn tham gia nghiên cứu vì kỹ năng nói tiếng Anh (Cấp độ B2) là một trong những môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo của nhà trường.

- Kỹ năng nói tiếng Anh trong nghiên cứu được thiết kế phát triển ở cấp độ này là (a) hỏi - đáp về các chủ đề chung; (b) so sánh các cặp tranh có nội dung tương phản; (c) bày tỏ ý kiến cá nhân về nội dung của một bức tranh; (d) nhanh chóng đưa ra những quyết định lựa chọn; và (e) thuyết phục người khác đồng ý với quyết định của mình.

1.3.2. Định nghĩa các thuật ngữ

1.3.2.1. Thuyết đa trí tuệ

Thuyết Đa trí tuệ là một lý thuyết tâm lý và giáo dục do giáo sư Howard Gardner đề xướng và phát triển. Trong tác phẩm “Cấu trúc tư duy: Thuyết đa trí tuệ” xuất bản năm 1983, Gardner cho rằng mỗi người đều sở hữu những cấp độ khác nhau của nhiều kiểu trí tuệ khác nhau, và do đó mỗi cá nhân người học đều có một “hồ sơ trí tuệ” đặc trưng duy nhất của riêng bản thân mình. Theo Gardner (1999), Thuyết Đa trí tuệ bao gồm 8 kiểu trí tuệ sau:

Trí tuệ sử dụng ngôn ngữ: là khả năng sử dụng từ ngữ để diễn đạt các khái niệm từ các dạng đơn giản đến phức tạp để viết lại các bản tin phức tạp, thực hiện phỏng vấn những người nổi tiếng, viết nhật ký học tập...

Trí tuệ suy luận lôgic: là khả năng tính toán, xác định số lượng và giải quyết các câu đố toán học, phát triển các kỹ năng tranh luận, và suy nghĩ theo các phương pháp diễn dịch và suy diễn để xây dựng biểu đồ thời gian và điền vào các thông tin cần thiết, tìm kiếm địa điểm dựa trên bản đồ, chơi các trò chơi liên quan đến tính toán, suy luận lô gic...

Trí tuệ thị giác - không gian: là khả năng suy nghĩ, tưởng tượng và lý luận trong không gian ba chiều (3D), sử dụng hình ảnh và các kỹ năng đồ họa để vẽ tranh, tạo áp phích, tạo mô hình 3D, sao chụp và sử dụng các hình ảnh để trình bày, minh họa, báo cáo...

Trí tuệ âm nhạc – giai điệu: là khả năng nhận biết các giai điệu và nhịp điệu, tạo và chỉnh sửa âm nhạc để sáng tác, hát và chơi nhạc cụ...

Trí tuệ vận động cơ thể: là khả năng sử dụng cơ thể với nhiều kỹ năng khác nhau để đóng vai, diễn kịch, sử dụng cử chỉ và bắt chước để kể chuyện hoặc minh họa các chi tiết của một câu chuyện.

Trí tuệ giao tiếp hướng ngoại: là khả năng giao tiếp hiệu quả với các kỹ năng nắm bắt tính cách, tâm trạng và suy nghĩ của người khác trong các hoạt động học tập hợp tác, làm việc theo nhóm, cặp...

Trí tuệ tư duy hướng nội: là khả năng lắng nghe và hiểu rõ cảm giác và suy nghĩ của chính bản thân để lập kế hoạch và định hướng cho cuộc sống hàng ngày và các hoạt động học tập: thiết kế các hoạt động tự học, thực hiện các dự án hoặc nghiên cứu nhỏ, các nhiệm vụ tự đánh giá...

Trí tuệ thiên nhiên – môi trường: là khả năng xác định, phân biệt và phân loại những sự vật, hiện tượng trong môi trường tự nhiên để tái tạo cảnh quang thiên nhiên của một thời kỳ lịch sử; tổ chức các chuyến đi dã ngoại; quan sát và mô tả cảnh quan thiên nhiên, dự báo thời tiết...

1.3.2.2. Các hoạt động đa trí tuệ trong lớp học và các hoạt động kiến tạo áp phích

Gardner (1983) xem các hoạt động đa trí tuệ là công cụ để chuyển tải nội dung kiến thức về nhiều chủ đề cho sinh viên bằng cách vận động tất cả các kiểu trí tuệ và năng lực khác nhau của từng sinh viên; tạo nhiều tình huống cho sinh viên tham gia

vào nhiều hoạt động khác nhau bắt đầu từ kiểu trí tuệ nổi trội của từng cá nhân sinh viên.

Có thể nói rằng các hoạt động kiến tạo áp phích có thể bao quát và phát huy hầu hết tất cả 8 kiểu trí tuệ của sinh viên theo Thuyết Đa trí tuệ. Thông qua các hoạt động kiến tạo áp phích, giáo viên có thể huy động và đánh giá nhiều phong cách và năng lực học tập sở trường của sinh viên trong lĩnh vực luyện nói tiếng Anh trên lớp. Cụ thể như sau:

- Trí tuệ thị giác - không gian: Thể hiện thông qua các nội dung tranh ảnh, cách bài trí, sắp xếp dàn ý, bố cục mỹ thuật của sản phẩm áp phích;

- Trí tuệ sử dụng ngôn ngữ: Từ sản phẩm áp phích của nhóm, các sinh viên sẽ có cơ hội thuyết minh, trình bày và diễn đạt các ý tưởng, nội dung ... Đây có thể được xem là công đoạn luyện nói tiếng Anh hiệu quả nhất của giờ học; sau phần thuyết trình nội dung áp phích, sẽ có một số câu hỏi tương tác và chất vấn được nêu giữa sinh viên và sinh viên, cũng như giữa giảng viên và sinh viên.

- Trí tuệ suy luận lô gic: thể hiện ở mọi công đoạn kiến tạo áp phích. Từ khâu thiết kế, sắp xếp, kết nối các ý tưởng, nội dung của áp phích, đến khâu trình bày, thuyết minh áp phích của nhóm, tất cả các thao tác, nội dung đều phải kết hợp chặt chẽ, lô gic với nhau và bài trình bày nội dung áp phích phải là một bài diễn thuyết có bố cục mạch lạc, chặt chẽ, đúng quy cách ngôn bản.

- Trí tuệ giao tiếp hướng ngoại: thể hiện trong quá trình chuẩn bị, hình thành sản phẩm, sinh viên trao đổi ý tưởng, thuyết phục các bạn cùng nhóm chấp nhận các nội dung, hình ảnh của mình; đây có thể được xem là một trong những kỹ năng mềm rất cần thiết trong quá trình học tập, cũng như

cuộc sống công việc của sinh viên sau này: kỹ năng làm việc theo nhóm / đội.

- Trí tuệ tư duy hướng nội: là sản phẩm ý tưởng, nội dung của mỗi cá nhân sinh viên phải hình thành trước khi tham gia vào hoạt động nhóm / cặp trao đổi ý tưởng của cá nhân với các bạn cùng nhóm, từ đó, lựa chọn, thống nhất và thuyết phục với nhau để đi đến nội dung thống nhất của cả nhóm.

- Trí tuệ vận động cơ thể: Để có được một sản phẩm áp phích hoàn chỉnh, các nhóm sinh viên phải thực hiện rất nhiều hình thức vận động cơ thể cũng như phối hợp rất nhiều giác quan.

- Trí tuệ âm nhạc – giai điệu: thường được phát huy ở phong cách sử trường âm nhạc của một số sinh viên như vừa thiết kế áp phích, vừa hát ngân nga những giai điệu yêu thích, hay có một số sinh viên thích phong cách vừa làm việc vừa nghe các giai điệu âm nhạc (nhạc nền), cũng có một số sinh viên có sở thích dùng các giai điệu, tiết tấu âm nhạc minh họa cho nội dung trình bày áp phích của nhóm mình...

- Trí tuệ thiên nhiên – môi trường: thể hiện ở việc lựa chọn các nội dung tranh ảnh minh họa để đưa vào áp phích. Thông thường là các hình ảnh từ các hoạt động, khái niệm gắn gũi với đời sống sinh viên như những thói quen tốt hàng ngày, những phong trào thể thao hiện đại đến các vấn đề trừu tượng hơn như ngăn chặn chiến tranh hạt nhân hay khám phá các hành tinh xa xôi trong dải Ngân hà của chúng ta...

1.3.2.3. Kỹ năng nói tiếng Anh

Vào năm 2015, nhà nghiên cứu Fakhar Naveed đã định nghĩa kỹ năng nói là một quá trình tương tác tạo ra ý nghĩa giao tiếp. Quá trình này bao gồm việc cung cấp, tiếp nhận, và xử lý các thông tin, tạo ra các sản phẩm giao tiếp hoàn chỉnh.

Trong nghiên cứu này, kỹ năng nói tiếng Anh được định nghĩa là “năng lực sử dụng

tiếng Anh để: (a) hỏi - đáp về các chủ đề chung; (b) so sánh các cặp tranh có nội dung tương phản; (c) bày tỏ ý kiến cá nhân về nội dung của một bức tranh; (d) nhanh chóng đưa ra những quyết định lựa chọn; và (e) thuyết phục người khác đồng ý với quyết định của mình.”

1.3.2.4: Các hoạt động kiến tạo áp phích

Theo nhà nghiên cứu Bear (1994), áp phích thường được thiết kế để thu hút các đối tác kinh doanh và khán giả tại các hội nghị hoặc triển lãm công cộng. Thông qua áp phích, người xem có thể biết được những thông tin chính cũng như các thông tin liên quan đến buổi hội nghị hoặc triển lãm công cộng. Từ nội dung áp phích, các diễn giả và khán giả có thể hình thành các phiên hỏi đáp, thảo luận, trao đổi ý tưởng và thông tin liên quan đến các nội dung chính.

Bên cạnh đó, nhà giáo dục Heyman (1998) cũng đề cập đến các đặc điểm chính sau đây của các hoạt động kiến tạo áp phích trong một lớp học ngôn ngữ: (a) là một phương tiện tuyệt vời để sinh viên phát triển các kỹ năng giao tiếp; (b) có liên quan đến sinh viên trong quá trình đánh giá; (c) khuyến khích sinh viên nghiên cứu một chủ đề một cách triệt để; (d) cung cấp cơ hội cho sinh viên học hỏi lẫn nhau; (e) quảng bá thái độ học tập tích cực của sinh viên; (f) phát hiện và giải quyết những quan niệm sai lầm.

1.4. Giả thuyết nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, một thiết kế thực nghiệm được áp dụng để xác minh tính phù hợp của giả thuyết nghiên cứu. Thiết kế nghiên cứu này phù hợp với bản chất nghiên cứu của chúng tôi. Cụ thể là những người tham gia nghiên cứu được chia thành hai nhóm: nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm. Nhóm thực nghiệm đã tham gia thực hiện các bài kiểm tra nói tiếng Anh trước, trong và sau tác động của các hoạt

động kiến tạo áp phích vào chương trình rèn luyện phát triển kỹ năng nói tiếng Anh thực nghiệm. Nội dung giả thuyết như sau: "Có một số khác biệt đáng kể giữa điểm trung bình của nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng trong kết quả thực hiện các bài kiểm tra kỹ năng nói tiếng Anh trước, trong và sau tác động của nghiên cứu."

1.5. Các câu hỏi chính của nghiên cứu

Nghiên cứu này nhằm trả lời 2 câu hỏi sau:

1.5.1. Các sinh viên tham gia nghiên cứu có thể hiện tinh thần hứng thú học tập khi các hoạt động kiến tạo áp phích được tích hợp vào chương trình rèn luyện kỹ năng nói tiếng Anh hay không?

1.5.2. Tác động của việc tích hợp các hoạt động kiến tạo áp phích trong việc phát triển kỹ năng nói của các sinh viên năm thứ hai tiếng Anh được thể hiện và minh chứng như thế nào?

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Thiết kế nghiên cứu

Đây là một nghiên cứu thực nghiệm bao gồm một quá trình tác động diễn ra trước, trong và sau tác động, chỉ áp dụng cho nhóm thực nghiệm. Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng một chương trình rèn luyện phát triển kỹ năng nói tiếng Anh với sự kết hợp của các hoạt động kiến tạo áp phích, và ba (03) bài kiểm tra kỹ năng nói tiếng Anh được tiến hành trước, trong và sau tác động để đo lường và xác minh tính hiệu quả của việc rèn luyện phát triển kỹ năng nói tiếng Anh tích hợp với các hoạt động kiến tạo áp phích.

2.2. Đối tượng tham gia nghiên cứu

Các sinh viên tham gia nghiên cứu này là sinh viên chuyên ngành tiếng Anh năm thứ hai (Khóa học 2014-2018), thuộc Khoa Ngoại ngữ của Đại học Phú Yên. Có 60 sinh viên được lựa chọn và tự nguyện tham gia nghiên cứu.

2.2.1. Nhóm thực nghiệm

Bao gồm 30 sinh viên. Đây là nhóm có kỹ năng nói tiếng Anh được đào tạo thông qua học phần "Phát triển kỹ năng nói tiếng Anh" gồm 45 tiết, được thiết kế và biên soạn dựa trên các nguyên tắc tích hợp các hoạt động kiến tạo áp phích, như một công cụ đa trí tuệ.

2.2.2. Phạm vi và năng lực của đối tượng tham gia nghiên cứu

Tất cả các đối tượng tham gia nghiên cứu đều có tính đồng nhất về tiêu chuẩn ngôn ngữ đầu vào, đặc biệt là kỹ năng nói tiếng Anh. Điều này được phản ánh từ điểm của bài kiểm tra trước tác động (Bài kiểm tra nói tiếng Anh số 1), được thực hiện trước khi bắt đầu áp dụng chương trình thực nghiệm rèn luyện phát triển kỹ năng nói tiếng Anh của chúng tôi.

2.2.3. Các qui trình nghiên cứu thực nghiệm

- Một bảng kiểm danh mục các nhóm kỹ năng nói cho chương trình đào tạo tiếng Anh:

Sau khi xem các chương trình đào tạo kỹ năng nói do Khoa Ngoại ngữ của Trường Đại học Phú Yên thực hiện cũng như nghiên cứu các tài liệu và chương trình phát triển kỹ năng nói tiếng Anh sẵn có, nhóm nghiên cứu đã lựa chọn, thiết kế và đề xuất một danh mục gồm năm (05) kỹ năng nói tiếng Anh cần thiết để nâng cao kỹ năng nói tiếng Anh cho sinh viên năm thứ hai. Bảng kiểm danh mục các kỹ năng nói tiếng Anh này đã được các giảng viên dạy kỹ năng nói trong Tổ bộ môn chuyên ngữ của Khoa Ngoại Ngữ kiểm tra, thảo luận và thông qua với mục đích:

+ Thống nhất chung về các nhóm kỹ năng nói tiếng Anh mà sinh viên năm thứ hai thuộc Khoa Ngoại ngữ, Trường ĐHPY, cần phát triển;

+ Điều chỉnh nội dung và thông tin phù hợp với yêu cầu của chương trình đào tạo tiếng Anh;

Bảng 1. Bảng kiểm danh mục các nhóm kỹ năng nói tiếng Anh cho sinh viên năm thứ hai

Các nhóm kỹ năng nói	Đồng ý	Tỷ lệ Phần trăm
1. Hỏi- đáp về các chủ đề chung	10	100%
2. So sánh các cặp tranh có nội dung tương phản	10	100%
3. Bày tỏ ý kiến cá nhân về nội dung của một bức tranh	9	90%
4. Nhanh chóng đưa ra những quyết định lựa chọn	8	80%
5. Thuyết phục người khác đồng ý với quyết định của mình	8	80%

* Bảng khảo sát “Hồ sơ trí tuệ” của nhóm thực nghiệm

Một Bảng khảo sát “Hồ sơ trí tuệ” do nhóm nghiên cứu tinh lọc và mô phỏng lại từ “Khung đánh giá và phát triển năng lực đa trí tuệ (MIDAS) do nhà nghiên cứu Shearer (2004) thiết kế, gồm 80 câu hỏi, đã được tiến hành với nhóm thực nghiệm. Thông qua bảng khảo sát này, sinh viên đã

đạt được một số khái niệm ban đầu về khả năng trí tuệ và phong cách học tập thích hợp với họ; đồng thời, nhóm nghiên cứu đã thiết lập “Hồ sơ trí tuệ” đối với các sinh viên thuộc nhóm thực nghiệm. Từ đó, nhóm nghiên cứu đã thiết kế các hoạt động và nhiệm vụ dựa trên các năng lực trí tuệ sở trường của các sinh viên trong nhóm thực nghiệm.

Bảng 2. Hồ sơ trí tuệ nổi trội của nhóm thực nghiệm

Kiểu trí tuệ	Tỷ lệ phần trăm	Trung bình	Độ lệch chuẩn
1. Trí tuệ sử dụng ngôn ngữ - lời nói	82,35%	2,47	0,38
2. Trí tuệ hướng ngoại	70,59%	2,12	0,62
3. Trí tuệ hướng nội	70,59%	2,12	0,62
4. Trí tuệ thị giác – không gian	94,12%	2,82	0,13

- Các hoạt động đa trí tuệ trong lớp học thông qua các hoạt động kiến tạo áp phích được thiết kế và thực hiện dựa trên các nguyên tắc khuyến khích, tăng cường và phát triển phong cách học tập đa dạng của sinh viên và các kiểu trí tuệ nổi trội;

- Các bài kiểm tra kỹ năng nói tiếng Anh theo nguyên lý đa trí tuệ được thực hiện trước, trong và sau tác động (tích hợp các hoạt động kiến tạo áp phích).

3. Kết quả nghiên cứu

Kết quả thực hiện bài kiểm tra kỹ năng nói tiếng Anh được tính toán, phân tích và xem xét, nhằm đánh giá ảnh hưởng và hiệu quả của việc tích hợp các hoạt động đa trí tuệ trong lớp học để phát triển các kỹ năng

nói tiếng Anh (Cấp độ B2), dựa trên thành tích học tập thể hiện qua các bài kiểm tra nói tiếng Anh của sinh viên tham gia nghiên cứu thực nghiệm.

3.1 Qui trình thống kê

Phần mềm phân tích thống kê khoa học xã hội (SPSS, phiên bản 23.0) được sử dụng để xử lý và phân tích kết quả nghiên cứu. Hàm kiểm định thống kê T-test cũng được sử dụng để phân tích và kiểm chứng các điểm kiểm tra kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên trước, trong và sau tác động.

3.2. Giả thuyết chính của nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, giả thuyết chính cho rằng có một số khác biệt đáng kể trong bảng thống kê liên quan đến điểm số trung

bình của cột điểm của các bài kiểm tra kỹ năng nói tiếng Anh trước, trong và sau tác động tích hợp các hoạt động kiến tạo áp phích như một công cụ đa trí tuệ trong các bài học thuộc chương trình rèn luyện phát triển kỹ năng nói tiếng Anh dành cho nhóm thực nghiệm so với điểm kiểm tra của

nhóm đối chứng.

Bảng thống kê dưới đây cho thấy kết quả phân tích các điểm kiểm tra của các bài kiểm tra kỹ năng nói trước, trong và sau tác động. Việc so sánh các cột điểm kiểm tra của sinh viên được thực hiện cho cả nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng.

Bảng 3. Bảng so sánh điểm trung bình các bài kiểm tra kỹ năng nói tiếng Anh trước (Bài kiểm tra số 1), trong (Bài kiểm tra số 2) và sau (Bài kiểm tra số 3) tác động giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng

	Nhóm thực nghiệm (30sv)		Nhóm đối chứng (30sv)		Giá trị P của phép kiểm chứng t-test	Mức độ ảnh hưởng
	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn		Độ lệch chuẩn		
Bài kiểm tra số 1	6,1000	0,80301	6,0667	0,90719	0,869099	0,019431
Bài kiểm tra số 2	7,1000	0,75886	6,7000	0,79438	0,043397	0,249328
Bài kiểm tra số 3	7,4000	0,71197	6,7833	0,72734	0,000930	0,393820

Từ dữ liệu thu được ở Bảng 3 nêu trên, chúng ta có thể thấy rõ sự khác biệt đáng kể giữa các điểm trung bình của các bài kiểm tra kỹ năng nói tiếng Anh được thực hiện trước, trong và sau tác động của việc tích hợp các hoạt động kiến tạo áp phích trong chương trình rèn luyện và phát triển kỹ năng nói tiếng Anh của chúng tôi.

Sự khác biệt của điểm trung bình của bài kiểm tra số 2 giữa hai nhóm trong các bài kiểm tra nói tiếng Anh là 0,40 (7,10 – 6,70), cho thấy nhóm thực nghiệm có điểm trung bình tốt hơn so với nhóm đối chứng. Và một lần nữa, các kết quả trên lại được củng cố bằng kết quả của bài kiểm tra nói tiếng Anh sau khi áp dụng nghiên cứu thực nghiệm (bài kiểm tra số 3), với kết quả chênh lệch là 0,6167 (7,4000 – 6,7833).

Mức độ chênh lệch giữa hai nhóm cao hơn trong bài kiểm tra sau tác động, điều này có nghĩa là chương trình rèn luyện và phát triển kỹ năng nói tiếng Anh tích hợp các hoạt động kiến tạo áp phích đã mang lại

một số lợi ích cho sinh viên chuyên ngành tiếng Anh năm thứ hai.

Do vậy, giả thuyết đã được chứng minh thành công, nghĩa là có sự khác biệt đáng kể giữa điểm số trung bình của các kết quả kiểm tra giữa các bài kiểm tra kỹ năng nói tiếng Anh trước và sau tác động, trong đó điểm trung bình của bài kiểm tra sau tác động (Bài kiểm tra số 3) tốt hơn kết quả của các bài kiểm tra trước. Kết quả này cũng phù hợp với những nghiên cứu trước đây được thực hiện bởi các nhà nghiên cứu Dorgham (2011), Sayed (2008) và Ghazala (2005). Tất cả các nghiên cứu trên đều cho thấy việc tích hợp các hoạt động kiến tạo áp phích (đa trí tuệ) trong các bài học luyện nói tiếng Anh đã được kiểm chứng là có hiệu quả trong việc rèn luyện và phát triển kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên.

4. Thảo luận

Với giá trị $p = 0,043397$, nhỏ hơn 0,05 trong bài kiểm tra nói tiếng Anh thứ hai, bài kiểm tra diễn ra trong quá trình diễn ra

tác động, chúng ta có thể kết luận rằng sự khác biệt về điểm số trung bình giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng là rất có ý nghĩa. Những khác biệt này cho thấy kết quả thu được từ các quy trình phân tích dữ liệu không thể xảy ra một cách ngẫu nhiên và những thay đổi về kết quả kiểm tra trong nghiên cứu này đều có nguồn gốc từ việc tích hợp các hoạt động kiến tạo áp phích trong chương trình rèn luyện phát triển kỹ năng nói tiếng Anh thực nghiệm của chúng tôi.

Đồng thời, kết quả của bài kiểm tra thứ 3, bài kiểm tra nói tiếng Anh sau tác động, lại một lần nữa khẳng định lại kết luận trên. Với giá trị p là 0,000930, nhỏ hơn 0,001, chúng ta có thể khẳng định rằng sự khác

biệt về điểm số trung bình của cả nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng là rất lớn. Do đó, giả thuyết nêu trong nghiên cứu của chúng tôi đã được chấp nhận, nghĩa là việc tích hợp các hoạt động kiến tạo áp phích trong chương trình đào tạo nói tiếng Anh của chúng tôi đã mang lại hiệu quả tích cực trong việc nâng cao thành tích của sinh viên thể hiện qua các bài kiểm tra kỹ năng nói tiếng Anh.

Để đo lường mức độ ảnh hưởng, chúng tôi đã thực hiện các phép tính để đo độ lệch chuẩn và điều này sẽ giúp xác định mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng các hoạt động kiến tạo áp phích đối với việc phát triển kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên. Với công thức:

$$SD = \frac{\text{Điểm trung bình Nhóm thực nghiệm} - \text{Điểm trung bình Nhóm đối chứng}}{\text{Độ lệch chuẩn Nhóm đối chứng}} \times \frac{1}{2}$$

Trong bài kiểm tra nói số 2, chúng ta có: $\frac{7,10 - 6,70}{2 \times 0,79438}$ chúng ta có kết quả: $SD \approx 0,25$

Trong bài kiểm tra nói thứ 3, chúng ta có $\frac{7,4000 - 6,7833}{2 \times 0,72734}$ chúng ta có kết quả: $SD \approx 0,4$

Theo Thang đánh giá Cohen, phạm vi mức độ ảnh hưởng được xếp từ mức độ rất nhỏ đến mức độ rất lớn dựa trên giá trị của độ ảnh hưởng. Giá trị SD trong bài kiểm tra thứ 2 cho thấy mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng các hoạt động kiến tạo áp phích là 0,25, có nghĩa là mức độ ảnh hưởng lớn. Điều này cho thấy sự gia tăng 0,4 của điểm số trung bình trong bài kiểm tra nói tiếng Anh số 2 có nghĩa là việc tích hợp các hoạt động kiến tạo áp phích có ảnh hưởng lớn đến việc phát triển kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên.

Giá trị SD trong bài kiểm tra số 3 cũng khẳng định một thực tế là mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng là 0,4. Đây là mức độ rất lớn theo Thang đánh giá Cohen. So

với bài kiểm tra số 2, trong bài kiểm tra số 3, nhóm nghiên cứu đã thực hiện một số điều chỉnh về nội dung và phương pháp thực hiện các hoạt động kiến tạo áp phích, do đó kết quả thu được tốt hơn cho nhóm thực nghiệm và hiệu quả cũng cao hơn ($0,4 > 0,25$ theo số liệu thống kê trong Bảng 3). Kết quả này một lần nữa khẳng định rằng sự gia tăng 0,3 điểm trong điểm số trung bình của bài kiểm tra nói tiếng Anh số 3 là nhờ vào việc tích hợp các hoạt động kiến tạo áp phích trong các bài học kỹ năng nói tiếng Anh có ảnh hưởng lớn đến thành tích rèn luyện và phát triển kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên.

Mục đích chính của nghiên cứu này là khảo sát tính hiệu quả của việc tích hợp các

hoạt động kiến tạo áp phích trong chương trình đào tạo kỹ năng nói tiếng Anh nhằm thúc đẩy sự hứng thú học tập và phát triển kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên.

Đối với sự hứng thú học tập, tất cả sinh viên tham gia vào các bài học luyện nói tiếng Anh thực nghiệm của chúng tôi đều bày tỏ quan điểm chung rằng hầu hết các hoạt động kiến tạo áp phích (đa trí tuệ) áp dụng trong các bài học phát triển kỹ năng nói tiếng Anh đều thực sự mang lại động lực và có tính cuốn hút việc tham gia học tập rất cao. Tất cả 30 sinh viên trong nhóm thực nghiệm đã bày tỏ quan điểm rằng các bài học nói tiếng Anh tích hợp với các hoạt động kiến tạo áp phích đã mang lại cho các em cơ hội phát triển kỹ năng nói tiếng Anh nhằm giúp các em ngày càng tự tin hơn và có nhiều kỹ năng hơn trong các hoạt động nói tiếng Anh. Kỹ năng nói tiếng Anh cũng như các kiểu trí tuệ và phong cách học tập của sinh viên đã phát triển và nâng cao rõ rệt.

Kết quả nghiên cứu cho thấy có sự khác biệt đáng kể ở mức độ ý nghĩa (0,01) (Bảng 3) giữa điểm số trung bình của các sinh viên tham gia trong ba (03) bài kiểm tra nói tiếng Anh với kết quả ngày càng tốt hơn. Kết quả này khẳng định giả thuyết tích hợp các hoạt động kiến tạo áp phích trong chương trình rèn luyện phát triển kỹ năng nói tiếng Anh đã mang lại những tiến bộ đáng kể trong việc thực hiện các bài kiểm tra kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên.

Ngoài ra, kết quả của nghiên cứu này cũng phù hợp với kết quả của một số nghiên cứu trước đây, trong đó Thuyết đa trí tuệ được áp dụng trong việc phát triển và nâng cao kỹ năng giao tiếp trong lĩnh vực giảng dạy ngoại ngữ nói chung như nghiên cứu của Xie và các cộng sự (2009) và Bas (2010), và trong lĩnh vực giảng dạy tiếng Anh nói riêng, đặc biệt trong việc phát triển

kỹ năng nói tiếng Anh như các nghiên cứu của tác giả Sayed (2005), Dorgham (2011) và Salem (2013).

Kết quả này đặc biệt phù hợp với kết quả nghiên cứu của Salem (năm 2013) nhằm khẳng định tính hiệu quả của việc áp dụng các hoạt động đa trí tuệ để phát triển kỹ năng nói tiếng mẹ đẻ trước khi tham gia chương trình rèn luyện phát triển kỹ năng nói tiếng Anh. Kết quả của nghiên cứu này cho thấy rằng chương trình đã có nhiều ảnh hưởng tích cực đến kỹ năng nói tiếng Anh của các đối tượng nghiên cứu.

Kết quả nghiên cứu cho thấy phần lớn sinh viên tham gia thực nghiệm đều đạt được tiến bộ đáng kể trong việc rèn luyện và phát triển kỹ năng nói tiếng Anh. Những tiến bộ nêu trên rõ ràng xuất phát từ việc tích hợp các hoạt động kiến tạo áp phích vào chương trình luyện nói tiếng Anh thử nghiệm. Các sinh viên tham gia nghiên cứu đã được đào tạo để phát huy hầu hết các kiểu trí tuệ sở trường của mình và sử dụng nhiều phong cách học tập khác nhau khi tham gia các hoạt động rèn luyện và phát triển kỹ năng nói tiếng Anh trên lớp.

Nghiên cứu này cũng cho thấy việc sử dụng hiệu quả các thiết bị trực quan cũng như kết hợp các kỹ năng công nghệ thông tin, công nghệ trình chiếu đã hỗ trợ sinh viên rất nhiều trong các hoạt động trình bày, thuyết phục người nghe về các sản phẩm áp phích của mình thông qua kỹ năng nói tiếng Anh. Những kỹ thuật này đã giúp sinh viên trở thành những người truyền đạt tiếng Anh hiệu quả, không chỉ giới hạn ở các hoạt động luyện nói tiếng Anh trên lớp, mà còn tiếp tục được phát huy trong các hoạt động giao tiếp ngoài lớp học.

Nhìn chung, kết quả của các bài kiểm tra nói tiếng Anh trước, trong và sau tác động cho thấy kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên đã có nhiều chuyển biến tích cực. Đây

có thể được xem là minh chứng xác thực cho giả thuyết được nêu trong phần đầu của nghiên cứu này. Hầu hết các sinh viên tham gia nghiên cứu thực nghiệm đều đạt được những tiến bộ nhất định trong kỹ năng nói tiếng Anh của mình. Những thành tựu này là kết quả của việc tích hợp các hoạt động kiến tạo áp phích nói riêng, cũng như các hoạt động đa trí tuệ nói chung, trong chương trình đào tạo phát triển kỹ năng nói tiếng Anh thực nghiệm.

5. Kết luận

Từ các kết quả nghiên cứu đã đề cập ở trên, có thể kết luận rằng việc tích hợp các hoạt động kiến tạo áp phích là một phương

pháp hiệu quả để phát triển kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên. Chúng tôi nhận thấy việc tích hợp các hoạt động kiến tạo áp phích trong các bài học phát triển kỹ năng nói tiếng Anh trên lớp đã tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho cả giáo viên và sinh viên chuyển tiếp từ phương pháp dạy học truyền thống chủ yếu dựa trên hai kiểu trí tuệ suy luận lô gic và sử dụng ngôn ngữ qua phương pháp đa trí tuệ, với triết lý giáo dục mang đậm tính nhân văn “tất cả mọi sinh viên đều thông minh”, trong các hoạt động đào tạo và đánh giá năng lực học tập theo năng lực và phong cách học tập sở trường của mỗi cá nhân sinh viên □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Armstrong, T. (1995), *Multiple Intelligences in the Classroom*. Alexandria, VA: ASCD.
- [2] Bas, G. (2010), *Effects of multiple intelligences supported project-based learning on students' achievements levels and attitudes towards English lesson*. International Electric Journal of Elementary Education, Vol.2, Issue 3, July 2010.
- [3] Christison, M.A. (1996), *Teaching and Learning Languages through Multiple Intelligences*. TESOL Journal, 6 (1), 10-14.
- [4] Dorgham, R. A. S. (2011), *The effectiveness of a proposed program in developing the speaking skills of English language among preparatory stage pupils in the light of multiple intelligences theory*. PhD thesis. Institute of Educational Studies. Cairo University.
- [5] Fakhar, N. (2015), *Concepts of Speaking and Listening Skills*. <http://mass.pakgalaxy.com/concept-of-speaking-and-listening-skills.html>;
- [6] Gardner, H (1983), *Frames of Mind: The Theory of Multiple Intelligences*, Basic Books, A Member of the Perseus Books Group, USA.
- [7] Salem, A. M. S (2013), *The Impact of Multiple Intelligences-Based Instruction on Developing Speaking Skills of the Pre-Service Teachers of English*. ISSN 1916-4742 (Print) ISSN 1916-4750 (Online). Canadian Center of Science and Education.
- [8] Sayed, M. M. (2008), *Multiple Ways to be Smart: Gardner's Theory of Multiple Intelligences and its Educational English Teaching and Oral Communication*. <http://eric.ed.gov/?id=ED502634>;
- [9] Xie, J.C. et al, (2009), *Research on multiple intelligences teaching and assessment*. *Asian Journal of Management and Humanity Sciences*. Vol.4, N0.2-3. pp 106-124.
- [10] White, J (1997), *Do Howard Gardner's Multiple Intelligences Add up?* London: Institute of Education, University of London.

Abstract**Poster-making activities promote EFL students' speaking skills**

This study aims at investigating the effect of using poster-making activities as a multiple intelligences (MI) tool on improving learning motivation and developing English speaking skills for second-year English major students at Phu Yen University.

Based on the literature review and related studies, poster-making activities were selected for the English speaking training program. The experimental group consisted of 30 second-year students. Through poster-making activities, learners will have lots of opportunities to improve and develop their speaking English skills (Robert, 2015). Tools of the study included: A training program based on using poster-making activities as an MI tool to improve students' learning motivation and develop their English speaking skills, an MI questionnaire, and 03 English Speaking pre-post tests administered to the experimental and controlled groups before and after the training course. The experimental English speaking training program was taught to students during a 15-week period.

Key words: *multiple intelligences, poster-making activities, motivation, speaking skills*